

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
TỈNH THANH HÓA

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 6 - 2025

V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên toà: Bà Bùi Thị Huyền

Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Lê Văn Lợi
2. Bà Nguyễn Thị Lệ Thanh

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Minh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên toà :
Ông Lê Văn Khoa - Kiểm sát viên

Hôm nay ngày 20 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 167/2024/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2024 về việc: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025 và **Quyết định hoãn phiên tòa số 11 ngày 17/6/2025 giữa các đương sự:**

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H - sinh ngày 06/4/1994;
CCCD: 017194005586

Nơi cư trú: Thôn 1, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hoá

Nơi ở hiện nay: Xóm L, xã T, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình

- Bị đơn: Anh Lê Công T - sinh ngày 10/7/1991; CCCD: 038091031526
Nơi cư trú: Thôn 1, xã Q, huyện Qu, tỉnh Thanh Hoá

Tại phiên toà vắng mặt chị H, anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và được bổ sung bằng lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ nguyên đơn chị Bùi Thị Hương trình bày:*

Chị H, anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hoá ngày 30/3/2012. Sau khi cưới vợ chồng chung sống cùng với gia đình anh T. Quá trình chung sống hoà thuận hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân do anh T lao vào rượu chè bê tha, về nhà ghen tuông vô cớ súc phạm sỉ nhục đánh chị, vì thế quan hệ vợ chồng ngày càng trở nên căng thẳng, tình cảm vợ chồng phai nhạt dần, cả hai vợ chồng đã từng ngồi lại với nhau để trao đổi giải quyết mâu thuẫn, hai bên gia đình đã can thiệp hoà giải, chị đã cho anh T cơ hội nhưng cả hai không thể hoà hợp được với nhau, vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2024 đến nay, chị đã về nhà mẹ đẻ ở H ở không ai quan tâm trách nhiệm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, sống không hạnh phúc nên chị đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 03 con chung cháu Lê Thị Diệu L, sinh ngày 04/7/2013; cháu Lê Thị Yến V sinh ngày 29/01/2016; cháu Lê Bảo N, sinh ngày 12/7/2021, hiện nay 03 cháu đang ở với anh T, khi chị đi ra khỏi nhà anh T không cho chị mang con đi theo, nên buộc chị phải để các cháu ở lại, nhưng hàng tháng chị vẫn gửi tiền về để lo cho các cháu. Nay ly hôn nguyện vọng của chị được trực tiếp nuôi cháu N vì cháu đang còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ. Chị đồng ý để 02 cháu L và V cho cho anh T trực tiếp nuôi, vì hiện nay 02 cháu đang ở cùng anh T và đang theo học tại địa phương ổn định, chị không muốn thay đổi cuộc sống sinh hoạt của hai cháu. Do điều kiện hoàn cảnh chị khó khăn đang phải đi làm thuê, chị đề nghị không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nhưng chị sẽ có trách nhiệm với các cháu.

Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu giải quyết.

** Đối với anh Lê Công T:*

Anh và chị H kết hôn với nhau ngày 30/3/2012 tại UBND xã Q, huyện Q, sau khi cưới vợ chồng sống tại gia đình anh tại Thôn 1, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hoá. Quá trình chung sống được 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, trong quá trình chung sống chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 4/2024 không thấy về, anh cũng đã lên gia đình, cũng đã động viên cho chị H quay về nhưng chị H không về, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị Hường có ý kiến xin ly hôn anh, nhưng anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị H có 03 con chung cháu Lê Thị Diệu L, sinh ngày 04/7/2013; cháu Lê Thị Yến V sinh ngày 29/01/2016; cháu Lê Bảo N, sinh ngày 12/7/2021, hiện nay 03 cháu đang ở với anh. Nay ly hôn nguyện vọng của anh xin nuôi cả 03 cháu, anh có đủ điều kiện nuôi các cháu ăn học tử tế, công việc của anh chạy xe mức thu nhập lương của anh đủ khả năng nuôi các cháu thành người và ăn học sinh hoạt, chị H xin nuôi cháu Lê Bảo N anh không đồng ý.

Về tài sản: Anh không có ý kiến gì

*** Tại phiên tòa hôm nay:**

Chị H vắng mặt, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh T như trong đơn khởi kiện, về con chị xin nuôi cháu N.

Anh T: vắng mặt không lý do

- Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát huyện Q phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Toà án và đương sự tuân thủ đúng theo qui định của luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết cũng như xét xử vụ án, đối với bị đơn là anh Lê Công T không chấp hành theo các giấy triệu tập của tòa án.

Về đường lối: Đề nghị tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của chị H. Xử cho chị H được ly hôn anh T. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Diệu L, sinh ngày 04/7/2013 và cháu Lê Thị Yến V sinh ngày 29/01/2016 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Lê Bảo N, sinh ngày 12/7/2021 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hai bên được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Tài sản công nợ: Anh, chị không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí DSST: Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và công bố các thủ tục tố tụng theo qui định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn chị H vắng mặt, chị có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh T đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà. **Căn cứ Khoản 1 Điều 227; điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo qui định của pháp luật.**

[2] Về hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn với nhau tháng 3/2012 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị H trình bày, thời gian vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T lao vào rượu chè bê tha, ghen tuông vô cớ xúc phạm sỉ nhục đánh chị, vì thế quan hệ vợ chồng ngày càng trở nên căng thẳng, tình cảm vợ chồng phai nhạt dần, cả hai vợ chồng đã từng ngồi lại với nhau để trao đổi giải quyết mâu thuẫn, hai bên gia đình đã can thiệp hoà giải, chị đã cho anh T cơ hội nhưng cả hai không thể hoà hợp được với nhau, vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2024 đến nay, chị đã về nhà mẹ đẻ ở H ở không ai quan tâm trách nhiệm đến ai.

Đối với anh T: Anh cũng thừa nhận vợ chồng chung sống được 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, trong quá trình chung sống chị Hường đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 4/2024 không thấy về, anh cũng đã lên gia đình, cũng đã động viên cho chị H quay về nhưng chị H không về, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị H xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn.

[2.1]. Qua làm việc với ông Lê Công C là bố anh T cung cấp: Anh T, chị H xây dựng gia đình với nhau năm 2012, sau khi cưới anh chị chung sống cùng với gia đình ông, vợ chồng hoà thuận với nhau được một thời gian, quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn, anh T đôi khi uống rượu nên vợ chồng xô xát va chạm, đến tháng 4/2024 chị H tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ ở H, từ đó đến nay không về, gia đình đã có 02 lần ra gặp bố mẹ chị H để khuyên bảo chị H quay về nhưng chị

không về. Nay chị H có đơn ly hôn anh T là tùy anh chị giải quyết, ông không tham gia.

[2.2]. Qua xác minh tại chính quyền địa phương phản ánh: Quá trình anh T chị H sống tại địa phương phát sinh mâu thuẫn do trong sinh hoạt hàng ngày bất đồng quan điểm, cách sống, từ tháng 4/2024 chị H đã về nhà mẹ đẻ ở Hoà Bình ở cho đến nay, vợ chồng đã sống ly thân, hiện chị H không chung sống với anh T tại địa phương, Nay chị H có đơn xin ly hôn anh T đề nghị Toà án giải quyết theo pháp luật.

[2.3]. Qua trình bày của chị H, anh T, gia đình anh T và xác minh tại địa phương cho thấy: quá trình anh T, chị H chung sống có mâu thuẫn và đã kéo dài nhiều năm, sự quan tâm, chia sẻ và trách nhiệm với nhau không có, vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2024 đến nay, cả hai đã không quan tâm trách nhiệm đến nhau và không còn chung sống với nhau nữa, chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị H xin ly hôn anh T là có cơ sở, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh T.

[3] Về con chung: Chị H và anh T có 03 con chung cháu Lê Thị Diệu L, sinh ngày 04/7/2013; cháu Lê Thị Yên V sinh ngày 29/01/2016; cháu Lê Bảo N, sinh ngày 12/7/2021.

Nay chị H có nguyện vọng xin nuôi cháu Lê Bảo N, để 02 cháu Lê Thị Diệu L và cháu Lê Thị Yên V cho anh T nuôi dưỡng. Xét thấy: hiện nay cháu N còn nhỏ, chưa đi học cần có sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ, nên giao cháu N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với 02 cháu L và V các cháu đã lớn, hiện nay 02 cháu đang sống ổn định cùng anh T và đang theo học tại địa phương, anh T có công ăn việc làm ổn định có khả năng nuôi cả 02 cháu, bản thân 02 cháu cũng có nguyện vọng ở với bố, vì vậy không nên xáo trộn cuộc sống của 02 cháu, nghĩ nên giao 02 cháu L và V cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Do điều kiện hoàn cảnh chị H khó khăn đang phải đi làm thuê, anh T có khả năng nuôi cả hai cháu, nghĩ nên không buộc hai bên phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Nhưng hai bên được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản, công nợ: Chị H, anh T không yêu cầu nên không xét.

[5] Về án phí: Căn cứ **Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị** quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Chị N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 4 Điều 147;

Khoản 1 Điều 227; điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- *Về hôn nhân*: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị H
Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Lê Công T

- *Về con chung*: Chị H, anh T có 03 con chung cháu Lê Thị Diệu L, sinh ngày 04/7/2013; cháu Lê Thị Yến V sinh ngày 29/01/2016; cháu Lê Bảo N, sinh ngày 12/7/2021. Giao cháu Lê Thị Diệu L và cháu Lê Thị Yến V cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Lê Bảo N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hai bên được quyền đi lại thăm non con chung, không ai được cản trở

- *Về tài sản, công nợ*: Chị H, anh T không yêu cầu tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0005616 ngày 10/12/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Thanh Hoá.

Chị H, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- Chi cục THADS
huyện Quảng Xương
- VKSND huyện Q
- UBND xã Q,
huyện Q, tỉnh Thanh Hoá
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Bùi Thị Huyền

